

CÁI NHÌN CỦA HỒ BIỂU CHÁNH VỀ NGƯỜI NÔNG DÂN NAM BỘ

- Huỳnh Thị Lan Phương -

1. Hồ Biểu Chánh là một nhà văn có nhiều thành công ở đề tài nông thôn. Cuộc đời làm quan, làm công chức cho chính phủ bảo hộ đã giúp Hồ Biểu Chánh có điều kiện đi nhiều nơi, được tai nghe mắt thấy nhiều chuyện đã và đang xảy ra trong xã hội đương thời, nhất là ở nông thôn. Xuất thân từ một gia đình nông dân nghèo, bản thân đã trải qua những ngày hàn vi, có lẽ hơn ai hết, Hồ Biểu Chánh thấu hiểu tình cảnh túng bần nghèo nàn của người bần cố nông Nam bộ. Sinh trưởng ở Gò Công, một vùng quê nghèo khó, với nước mặn đồng chua, lấm gò, ít được thiên nhiên ưu đãi. Cuộc sống ở đây lấm gàn nan, nhiều cơ cực. Con người tưởng chừng như không thể tìm thấy ánh sáng của tương lai. Nhưng chính tất cả những yếu tố đó lại khơi gợi cho Hồ Biểu Chánh một nguồn cảm hứng bất tận. Hồ Biểu Chánh không chỉ viết về quê hương mình. Không gian hiện thực trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh là cả vùng đất Nam bộ. Nam bộ được nói ở đây là các tỉnh thành thuộc đồng bằng sông Cửu Long. Viết về nông thôn Nam bộ, Hồ Biểu Chánh đã tập trung xây dựng hình ảnh người nông dân Nam bộ, thể hiện đậm nét quan điểm nghệ thuật của một nhà văn trong buổi giao thời của lịch sử văn học Việt Nam.

2. Là một nhà văn luôn quan tâm đến quần chúng lao động, Hồ Biểu Chánh đã thể hiện sự thông cảm, sẵn sàng chia sẻ cho những số phận bất hạnh. Đối với những nông dân tốt bụng, hiền lương, chăm làm mà phải chịu cảnh nghèo khổ, bị áp bức bóc lột, ông luôn bênh vực. Ông từng nhỏ lệ trước cảnh nghèo đói của người nông dân: *"Những người từng biết hơn tình ấm lạnh, những người từng trải thế đạo kỳ khu, ai gặp cảnh thế thảm như vậy chắc sao cũng oán hận vận thời hoặc trách nhà giàu sang không thương xót kẻ nghèo hèn, hoặc thảm phận cơ hàn mà đau lòng rơi lệ"*. (Ngọn cỏ gió đùa). Ông rất bất bình vì người nông dân bị chèn ép, ức hiếp đến mức phải bỏ quê bỏ xứ ra đi. Dường như ông đọc được cả tâm sự náo nức đang chứa trong lòng Cai tuần Bưởi, lúc phải rời xa làng cũ: *"Sinh đẻ tại đó, từ nhỏ chí lớn ở tại đó, mồ mả cha mẹ cũng ở tại đó; thế mà phải thất ruột bỏ đi như vậy thiệt đứt ruột bầm gan"* (Con nhà nghèo).

Đối với người nông dân, Hồ Biểu Chánh không chỉ dành cho họ sự cảm thông yêu thương mà còn trân trọng những đức tính tốt đẹp ở họ. Ông đã nhận thấy bên trong của lớp hình hài, đói rách, tiêu tụy, lấm lem bùn đất ấy là những trái tim nhân hậu. Biết yêu thương, đùm bọc cứu mang giúp đỡ lẫn nhau, là những tấm lòng nghĩa hiệp, quên mình để cứu người, là bản chất mộc mạc chân tình, là đức tính khảng khái, bộc trực... Với những con người đáng yêu và đáng trọng như thế ông mong muốn họ sẽ được hạnh phúc. Vì vậy, kết thúc tác phẩm bao giờ cũng rất có hậu. Tất cả những người nông dân hiền lành tốt bụng, những con người đại diện cho chính nghĩa đều chiến thắng cái ác, đều được đền bù xứng đáng. Có thể mơ ước ấy sẽ không thành hiện thực hoàn toàn. Nhưng một chút lãng mạn tích cực đó lại có tác dụng xoa dịu nỗi đau của bao người đang còn phải gánh lấy sự ngang trái của cuộc đời. Và trước hết đó là tấm lòng nhân hậu là niềm ưu ái của Hồ Biểu Chánh dành cho người nông dân. Nếu không

có sự thông cảm yêu thương đối với người nông dân nghèo khổ, chắc hẳn tác giả sẽ không có được tình cảm trên.

Hồ Biểu Chánh có cái nhìn mang tính chất trung hoà về cuộc sống xã hội và con người. Theo ông, mọi cái trên đời này đều có hai mặt tích cực và tiêu cực. Con người dù thuộc thành phần nào: giàu sang hay nghèo hèn; quyền thế hay dân đen, đều có kẻ tốt, người xấu. Cái xấu không loại trừ một ai, và cái tốt cũng không là của riêng ai. Nhờ vậy, tác phẩm của Hồ Biểu Chánh rất thực, rất đời thường. Hiện thực về cuộc sống và con người được miêu tả như nó vốn có. Viết về người nông dân, Hồ Biểu Chánh không chỉ đề cao ca ngợi những phẩm chất tốt đẹp hay thông cảm trước những số phận nhiều đau khổ thiệt thòi. Ông còn mạnh dạn lên án, trừng trị cái xấu, cái tiêu cực còn tồn tại ở lớp người này. Vẫn có nhân vật người nông dân, trong tác phẩm Hồ Biểu Chánh, thuộc tuyến phản diện, tiêu biểu cho cái xấu. Đó là trường hợp của Thị Lựu trong "Cha con nghĩa nặng". Một mẫu người bất nghĩa, bất trinh. Cái chết thảm thương mà chị ta phải nhận lấy đã thể hiện quan điểm thương ghét rạch ròi của tác giả.

3. Qua tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, chúng ta dễ nhận thấy ở ông sự gần gũi, yêu thương, thông cảm, sẻ chia đối với người nông dân. Như thế, không có nghĩa Hồ Biểu Chánh hoàn toàn có những quan niệm tích cực về người nông dân. Vốn là một nhà văn chú trọng nhiều đến yếu tố đạo lý, ngay cả khi phản ánh hiện thực xã hội, lại giữ cương vị một Đốc phủ sứ của chính phủ bảo hộ, Hồ Biểu Chánh không dấu nổi cái nhìn còn lệch lạc, nếu không nói là xem nhẹ vai trò của người nông dân trong xã hội. Từ đó, ông chưa xác định đúng mức vị trí của họ trong cuộc đấu tranh xoá bỏ bất công, chống áp bức. Cuộc đấu tranh mặc dù còn diễn ra tự phát, nhưng cũng có sức lan rộng ở Nam bộ vào những năm cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX (Vụ xô xát ở Ninh Thạnh Lợi (Rạch Giá), ở Phong Thạnh (Bạc Liêu)...

Trong tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, người nông dân đã có những biểu hiện có thể xem là sự phản kháng: Hành động của Thị Tố, Ba Cam trong "Con nhà nghèo", của Mau trong "Khóc thầm". Nhưng xét kĩ, chúng ta sẽ nhận ra: đối với Hồ Biểu Chánh, đề cao tinh thần phản kháng của người nông dân, đó là vấn đề nằm ngoài dụng ý của ông. Việc Thị Tố đến nhà Bà Cai kể tội cậu Hai Nghĩa, đòi sự công bằng cho Tư Lựu hay việc Ba Cam chặng đường rạch mặt cậu Hai Nghĩa... đều là những hành động xuất phát từ sự "tức nước vỡ bờ". Trước những việc làm bất nhân phi nghĩa của bọn địa chủ, người nông dân đã thể hiện tinh thần "*Kiến nghĩa bất vi vô đồng dã*". Xây dựng các chi tiết nói trên, Hồ Biểu Chánh không ngoài dụng ý thể hiện cá tính của con người Nam bộ: bộc trực, thẳng thắn. Tính "*lửa rom*" ở họ đã thôi thúc họ dám làm liều và cũng dễ nhận lấy những kết cục ngoài ý muốn, đôi khi tự gây họa lớn cho mình. Thị Tố đã liều vì cả tin, đến hỏi tội, kể tội cậu Hai Nghĩa, đòi hỏi sự đền bù ở những kẻ bất nhân. Đã không nhận được gì mà chị còn bị bắt, bị đóng trướng 7 ngày. Cai tuần Bưởi phải "*lạy gân sói trán*", Thị Tố còn chưa được tha. Trong suy nghĩ của Hồ Biểu Chánh, sự khảng khái vốn có của người nông dân là một đức tính đáng trân trọng. Nhưng trong cuộc sống không phải bao giờ sự khảng khái cũng thành công. Có những tình huống, những hoàn cảnh, những sự việc đòi hỏi sự mềm dẻo, khéo léo. Thể hiện những vấn đề trên, Hồ Biểu Chánh tỏ ra rất am tường về lẽ đời và hiểu rõ tâm trạng cùng với tình cảnh của người nông dân Nam bộ. Những con người "*thấp cổ bé miệng*", thế cô ấy khó lòng mà chống chọi lại các thế lực bạo tàn trong xã hội. Cũng là phản kháng một cách tự phát, liều lĩnh

nhưng Ba Cam lại "*thành công*". Rạch được mặt kẻ bất nhân để rửa hận cho em mình, đã là một sự toại nguyện đối với anh ta: "*Qua rửa nhục cho em mà qua ở tù, thì qua vui lòng lắm, không hại chi đâu mà sợ*". Khi ra toà, Ba Cam còn được xử nhẹ. Ngược lại, gia đình bà Cai Hiếu bị một phen "*gục mặt hổ thẹn hết sức*". Nhờ đâu mà Ba Cam có được khả năng để đương đầu với bọn địa chủ gian ác, thâm độc? Nếu không có được sự trợ giúp của Thầy kiện Tô Lê, một người có ít nhiều thế lực và uy tín trong xã hội đương thời thì làm sao có được "*thắng lợi*" ấy. Nói cách khác, trong suy nghĩ của tác giả, tự thân người nông dân không có khả năng để bảo vệ quyền sống và đòi hỏi sự công bằng chính đáng cho mình. Trường hợp trong tác phẩm "*Khóc thầm*" cũng vậy. Mau là một thanh niên thẳng thắn, vì bất bình trước những việc làm xấu xa, gian xảo của Vĩnh Thái cho nên đã "*ra tay nghĩa hiệp*", can ngăn anh sộp phơ tập lái xe cho Vĩnh Thái. Cậu ta có ngờ đâu! Hậu quả là một trận đòn thừa chết thiếu sống, còn bị vu oan, phải ngồi tù 4 tháng trời. Khi người nông dân còn bị lệ thuộc về kinh tế ở bọn địa chủ thì số phận của họ là thế ấy. Chịu áp bức, chèn ép, có đấu tranh cũng sẽ bị vùi dập phũ phàng hơn.

Trong cảm quan của một nhà văn có địa vị sang trọng, dù đã cố gắng gần gũi chia sẻ với bao nỗi nhọc nhằn của con người quanh năm cày sâu cuốc bẫm, Hồ Biểu Chánh vẫn để lại một khoảng cách nhất định đối với người nông dân. Ông còn nhìn họ như những kẻ dốt nát, ít học. Họ thật thà, chân chất đến ngờ nghệch, ngây ngô. Ông thường nhấn đi, nhấn lại các tính cách ấy ở người nông dân. Tác giả đã đặt vào anh nông dân Lê Văn Đố những cá tính thể hiện sự khờ khạo quê mùa, thô kệch đến đáng thương: "*Lê Văn Đố tuy có sức mạnh chó không có trí sáng, từ nhỏ cho tới lớn biết cựa mà thôi, chó không biết sủa, nên tưởng phận mình thì phải chịu cựa, phải nhin đói, bởi vậy nó gặp cảnh như vậy, mà không biết giận, lại cũng không biết buồn*"; lại còn nhấn mạnh "*Tên Đố thuở nay khờ dại đến nỗi gặp khốn đốn không biết buồn, bị oan ức không biết giận*". "*Thuở nay trí não nó u ám nên không biết suy nghĩ chi tiết*". Nhờ trải qua bao nỗi khổ nhục, chịu đựng cảnh ức hiếp, dần dần anh ta mới sáng trí, biết căm thù và oán hận những kẻ sang giàu mà độc ác đã hãm hại những người nghèo như anh: "*Từ ngày anh ta nhờ tên Thiệt nhắc lại chuyện cũ cho anh ta nhớ, thuật việc nhà cho anh ta nghe, rồi lại nhờ mấy hồn ma thác oan chỉ thói đời oan nghiệt cho anh ta biết thì trí khôn của anh ta mới lần lần mở sáng ra, anh ta mới biết than thân trách phận, anh ta mới biết oán hận kẻ giàu sang*". Nhưng chỉ dừng lại ở mức độ biết căm thù và oán hận, chứ anh ta không có khả năng giành lấy sự công bằng cho bản thân mình. Nhiều lần vượt ngục không thể thoát, án tù càng chồng chất thêm, anh ta "*càng nghĩ càng buồn, càng muốn trốn nữa. Ngặt vì anh ta là đứa quê dốt thiệt thà, vô mưu thấp trí, nên muốn thì muốn lung, mà làm thì làm không được*". Ngay đến khi Lê Văn Đố đã trở thành người từng trải, có ít nhiều hiểu biết về sự đời đã nắm được trong tay quyền lực kinh tế, còn trở thành một vị Thiên Hộ...Lê Văn Đố vẫn không thực hiện được trọn vẹn những kế hoạch tốt đẹp của mình: sống, làm việc để giúp đỡ người khốn khó. Cả việc bảo vệ bình yên cho bản thân cũng không thể được. Pháp luật khát khe phi lí, mà người đại diện cho nó là Phạm Kì đã bủa vây lấy anh nông dân tốt bụng, dồn anh ta đến bước đường cùng. Những năm tháng cuối đời phải sống lẫn lút, mai danh ẩn tích để được hoàn thành một việc nghĩa: nuôi dưỡng con của Lý Ánh Nguyệt. Như thế, người nông dân không dễ dàng khẳng định được vị trí và thể hiện được vai trò của mình trong cuộc sống.

Khi miêu tả anh nông dân Cai tuần Bưởi hay Trần Văn Sửu, Hồ Biểu Chánh cũng thể hiện quan điểm trên. Cai tuần Bưởi dù có phần hiểu đời, biết người nhưng vẫn

là một kẻ quá chân chất và thiệt thà. Do đó, không nhận diện được kẻ thù, không thấy rõ sự thâm độc xảo trá của gia đình bà Cai, cho nên cúi đầu khuất phục, dễ dàng chấp nhận sự thiệt thòi về mình. Thậm chí *"người ta hiệp đáp mà cai tuân Bưởi không hiểu, tưởng người ta làm ơn, nên cúi đầu lạy Hương Quán rồi lật đật đi lên nhà bà Cai mà lạy nữa"* (Con nhà nghèo). Nếu như Cai tuân Bưởi là nạn nhân của những thủ đoạn bóc lột, áp bức, một hiện tượng đang phổ biến dưới chế độ thực dân nửa phong kiến thì Trần Văn Sửu lại là nạn nhân của thói dâm ô hường lạc bất chính, một tệ nạn sinh ra và phát triển nhanh chóng trong xã hội trên đường tư sản hoá. Hồ Biểu Chánh đã để cho họ có những bất bình trước những bất công nhưng chưa có những nhận thức sâu sắc về những bất công mà họ đang gánh chịu. Trong *"Cha con nghĩa nặng"*, Trần Văn Sửu cũng tỏ ra quá chất phác, đến mức ngờ ngạc nhiên. Vợ ngoại tình, nhờ thế mới mượn được nhiều đất để cày cấy, xóm làng đều hay biết, mọi người châm chọc mà anh ta cũng chẳng hiểu gì cả. Đến mức Hương tuân Tam phải giận và mắng anh ta: *"Mày ngu quá nên nó cười chớ sao"*. Hơn thế nữa, *"Nói đích xác như vậy mà Trần Văn Sửu cũng vẫn chưa hiểu, cứ ngơ ngác như thằng ngáo"*. Đối với những trí thức hiện thời, từ nhà nho đến trí thức tân học đều có sự phân biệt ít nhiều giữa người có học và không có học. Sự dốt nát là *hố ngăn cách* vô hình trong mối quan hệ giữa họ và người nông dân. Không riêng gì Hồ Biểu Chánh mà cả Phan Bội Châu cũng thế. Phan Bội Châu không tin vào nông dân mà tin vào kẻ sĩ, bởi họ là những người có học thức rộng.

Không phải ngẫu nhiên Hồ Biểu Chánh nói đến tính cam chịu của người nông dân Nam bộ. Ông hai Sửu (Khóc thắm) từng mắng con: *"Mày đủ sức chống cự với người ta hay không? Nói bậy, nói bạ rồi mang hoạ đạ. Phận mình nghèo thì lo làm ăn"* (Khóc thắm); Cai tuân Bưởi từng giải thích cùng vợ và em: *"Mình nghèo mà ăn thua với người ta sao cho lại họ. Thuở nay ai dám lấy trượng mà chọi với đá bao giờ"*. (Con nhà nghèo), *"Nói bậy người ta giận, người ta lấy ruộng lại mình cũng đủ chết rồi."*... Rõ ràng, tác giả đã nói đúng thân phận bọt bèo của những kẻ *"thấp cổ bé miệng"* và dường như ở lâu trong cái khổ họ đã quen dần với cái khổ, không còn muốn đấu tranh hay phản kháng. Ở điểm này cho thấy vị trí và vai trò của người nông dân chưa được khẳng định.

Ngay buổi đầu chống Pháp, người nông dân Nam bộ đã thể hiện rõ sức mạnh vùng lên của họ. Qua *"Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc"*, Nguyễn Đình Chiểu đã khắc hoạ thành công hình tượng người nông dân chống giặc giữ nước. Thế nhưng đến tiểu thuyết Hồ Biểu Chánh, vai trò ấy bị lu mờ hẳn. Hồ Biểu Chánh chỉ thấy được bản chất tốt đẹp của người nông dân Nam bộ nhưng chưa nhận ra họ là một bộ phận quan trọng của phong trào cách mạng. Do đó, người nông dân trong tác phẩm của Hồ Biểu Chánh thường có tính cam chịu, an phận với kiếp tôi đòi.

4. Yêu thương, thông cảm người nông dân, lại rất hiểu về thân phận của họ, Hồ Biểu Chánh mong muốn người nông dân được đổi đời. Cuối tác phẩm *"Con nhà nghèo"*, tác giả đã để cho gia đình anh Hương sự Cu thay đổi rất nhiều. Từ một anh tá điền nghèo khổ, trải qua thời gian đi ở đợ, vợ chồng Cu đã trở nên giàu có. Cai tuân Bưởi cũng được một cuộc sống sung túc. Nhờ đâu mà họ đạt được như thế? Tất nhiên sự cần cù lao động là một điều kiện không thể thiếu được. Nhưng có một yếu tố còn quan trọng hơn là họ phải thoát khỏi nanh vuốt của bọn chủ gian ác và tìm được sự giúp đỡ của những ông địa chủ tốt bụng. Điều này đã được chứng minh bằng chi tiết nhờ canh tác trên ruộng của một ông chủ tốt bụng, vợ chồng Hương sự Cu mới có cơ

hội khá lên dần. Đồng thời, người nông dân muốn thay đổi số phận cũng cần phải có một chút phiêu lưu, phải đi thật xa mới có thể phát triển được. Các nhân vật thành đạt trong tác phẩm của ông đều trải qua những chuyến đi xa. Thủ Nghĩa phải trôi nổi khắp nơi, có khi sang tận những vùng đất của Trung Quốc; Hương Sơ Cu phải bỏ xứ Gò Công xuống tận Bạc Liêu; Lê Văn Đố bỏ vùng đất Tân Hoà khô cằn để đến miệt Cần Đước hoang vu mà lập ruộng.

Quan niệm mở rộng tầm nhìn ra xa để học hỏi cái mới, cái hiện đại, nhằm mục đích thực hiện chấn hưng kinh tế, nâng cao dân trí của các nhà ái quốc hồi đầu thế kỉ XX, đã ít nhiều tác động đến tư tưởng của Hồ Biểu Chánh. So với các nhà nho trước đó, kể cả một số nhà nho đương thời, Hồ Biểu Chánh đã có một quan niệm tiến bộ rõ rệt. Ông không chấp nhận việc khép mình trong không gian chật hẹp. Cuộc đời của người nông dân không thể mãi mãi chìm trong sự ngột ngạt tù túng ở phía sau lũy tre làng. Hồ Biểu Chánh đã nâng đôi cánh ước mơ cho người nông dân bằng việc cảm hoá thuyết phục những kẻ giàu có, kêu gọi ở họ sự hướng thiện và lòng hảo tâm. Tác phẩm "Khóc thầm" đã thể hiện điều đó. Đây là một tác phẩm mang hơi hướng của chủ nghĩa cải lương, mà Hoàng Đạo sẽ triển khai cụ thể trong "Con đường sáng" về sau. Cô Thu Hà, một phụ nữ giàu có, với tấm lòng thương yêu, mong muốn chia sẻ nỗi cực nhọc với người nông dân đã thực hiện nhiều kế hoạch giúp đỡ dân nghèo, mở trường dạy học cho trẻ con ở nông thôn. Cô còn dự định sang Pháp du học để mở mang kiến thức, trở về nước thực hiện việc khai hoá, góp phần làm cho bộ mặt nông thôn được đổi mới. Tuy có nhiều tính chất cải lương, xa rời thực tế, nhưng chủ trương về việc đổi đời cho người nông dân, được ông đề xướng, đã chứng minh tấm lòng yêu thương, thông cảm lớn lao mà Hồ Biểu Chánh luôn dành cho người nông dân. Dù khó hoặc không thể thực hiện được, nhưng mơ ước đầy tính lãng mạn tích cực ấy cũng có thể tạo thêm niềm tin vào cuộc sống cho người nông dân, giữa thời buổi u tối, đầy rối ren, phức tạp. Để họ có được nghị lực vượt qua thử thách, tiếp tục chờ đợi một cơ hội tốt đẹp về sau.

Bên cạnh ý nghĩa nhân đạo toát lên từ chủ trương đổi đời cho người nông dân, Hồ Biểu Chánh còn thể hiện lập trường tư tưởng của ông từ vấn đề này. Trước sau như một, Hồ Biểu Chánh chấp nhận xã hội đương thời. Ngôi bút hiện thực của ông rất sắc nhọn, bới lật từng ngõ ngách của cuộc đời bất công để phê phán, tố cáo. Nhưng phê phán, tố cáo mà không hướng đến mục đích đả phá, lật đổ chỉ hướng đến chấn chỉnh, sửa đổi. Vì thế, khi viết về cuộc sống và thân phận người nông dân Nam bộ, mặc dù ông thường nhấn mạnh cái *tăm tối, cùng khổ, bất hạnh*...mà không bao giờ nói đến sự bế tắc đến mức không lối thoát. Người nông dân Nam bộ trong tác phẩm Hồ Biểu Chánh chưa bị rơi vào tình cảnh bi thảm đến nỗi phải ăn bã chó mà tự giận như Lão Hạc trong truyện ngắn của Nam Cao; hay chỉ còn thấy trước mặt là một màn đêm tăm tối như chị Dậu trong "Tắt đèn" của Ngô Tất Tố. Viễn cảnh tương lai mà Hồ Biểu Chánh hé mở cho người nông dân xuất phát từ niềm tin ở xã hội đương thời, mà ông đã từng bày tỏ trong "Cu kính" hay một số tác phẩm khác.

Nguồn: Bình luận Văn học, Niên giám 2006, Hội Nghiên cứu và Giảng dạy Văn học Thành phố Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Văn hoá Sài Gòn, tr 115- 125.